

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: I - Năm học: 2022 - 2023

Môn học/ Nhóm: GDQP – AN, Nhóm 40
CBGD: Nguyễn Thành Quân

Số tín chỉ: 05

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	BP1	BP2	BP3	BP4	BP5	ĐQT	GHI CHÚ
1	2121030020	Nguyễn Khắc An	08/10/2003	CCQ2103A						0.0	
2	2121100018	Lê Thị Ngọc Ánh	09/07/2003	CCQ2110A	6.8	6.8	7.0	8.0	7.5	7.4	
3	2120030071	Ngọ Duy Ánh	26/02/1998	CCQ2003C	5.3	7.5	7.0	7.3	8.0	7.2	
4	2121030022	Đỗ Chí Bảo	21/05/2003	CCQ2103A	5.3	5.8	7.3	8.0	7.5	7.0	
5	2121030026	Nguyễn Văn Bắc	31/01/2003	CCQ2103A	6.5	7.0	7.3	8.7	8.5	7.9	
6	2121030005	Hồ Lê Cảnh	10/12/2003	CCQ2103A	7.8	6.0	7.0	5.0	8.0	6.7	
7	2121030051	Nguyễn Minh Chánh	02/05/2001	CCQ2103B						0.0	
8	2121030065	Phạm Hồng Chính	05/02/2003	CCQ2103B	5.3	6.0	7.0	9.7	8.0	7.7	
9	2121030068	Lê Đình Chương	06/05/2003	CCQ2103B	6.3	6.5	7.0	6.0	7.5	6.7	
10	2121030056	Phạm Nhật Công Danh	04/08/2003	CCQ2103B	5.0	6.0	6.7	9.3	7.5	7.3	
11	2121100039	Nguyễn Thị Thúy Duy	08/12/2000	CCQ2110B	5.3	7.8	7.3	5.0	7.5	6.5	
12	2121030151	Nguyễn Văn Dương	22/02/2001	CCQ2103B	5.3	5.8	7.0	5.0	7.5	6.1	
13	2121100036	Nguyễn Thị Đào	05/05/2003	CCQ2110B	5.8	6.5	7.0	8.7	7.5	7.4	
14	2121030064	Dương Văn Đạt	20/08/2003	CCQ2103B						0.0	
15	2121030063	Lê Tuấn Đạt	13/09/2003	CCQ2103B	5.3	7.3	7.0	5.0	7.5	6.4	
16	2121100038	Đặng Thị Hồng Gấm	03/02/2003	CCQ2110B	6.5	5.8	7.0	8.0	8.0	7.3	
17	2121030168	Nguyễn Hoàng Hải	12/12/2001	CCQ2103B	6.3	7.0	6.7	5.0	7.5	6.4	
18	2121100005	Nguyễn Cao Hậu	13/04/2003	CCQ2110A	5.3	6.5	7.0	9.7	8.5	7.9	
19	2121030006	Nguyễn Ngọc Hiền	08/04/2003	CCQ2103A	6.8	8.3	6.7	9.0	7.0	7.7	
20	2121100013	Phan Thị Thanh Hiền	09/11/2003	CCQ2110A	6.8	6.3	7.3	6.0	7.5	6.8	

21	2121100030	Trương Thị Thu	Hiền	07/09/1997	CCQ2110A						0.0	
22	2121030040	Nguyễn Trung	Hiếu	11/09/2002	CCQ2103B	5.3	5.8	7.0	6.0	8.0	6.6	
23	2121030025	Nguyễn Văn	Hiếu	20/06/2003	CCQ2103A	7.0	6.3	7.0	8.3	7.5	7.4	
24	2121030039	Nguyễn Văn	Hiếu	20/10/2003	CCQ2103B	4.0	4.5	7.0	9.0	7.5	6.9	
25	2121100014	Võ Thị	Hòa	10/04/2003	CCQ2110A	6.0	7.0	7.5	8.0	7.5	7.4	
26	2121030021	Ngô Quang	Huy	25/06/2003	CCQ2103A	7.0	7.0	7.3	7.3	8.5	7.6	
27	2121030155	Lê Nguyễn Ninh	Hung	29/09/2000	CCQ2103A	6.8	6.0	7.3	8.0	8.5	7.6	
28	2121030037	Lê Văn	Hung	19/10/2003	CCQ2103B	4.0	6.5	6.7	6.0	7.5	6.3	
29	2121030060	Nguyễn Hữu	Hung	04/12/2003	CCQ2103B	4.0	6.3	7.0	5.0	7.0	5.9	
30	2121100012	Đoàn Thị Diễm	Hương	24/09/2003	CCQ2110A	5.8	8.0	7.5	8.7	7.5	7.7	
31	2121100033	Lê Thị Minh	Hương	15/04/2003	CCQ2110A	5.8	8.0	7.5	8.0	7.5	7.5	
32	2121030030	Nguyễn Tấn	Khả	01/10/2003	CCQ2103A	6.8	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	
33	2121030049	Phạm	Khải	05/03/2003	CCQ2103B	4.5	5.5	7.0	9.0	7.5	7.1	
34	2121030009	Đồng Sĩ	Khang	26/12/2003	CCQ2103A	8.3	7.0	7.3	9.0	8.0	8.1	
35	2121030010	Đặng Văn	Khoa	07/04/2003	CCQ2103A	6.0	8.0	8.0	10.0	9.0	8.6	
36	2121030159	Nguyễn Anh	Khoa	03/03/2001	CCQ2103A						0.0	
37	2121030018	Phạm Văn	Khoa	16/07/2003	CCQ2103A	6.8	5.3	7.0	5.0	7.0	6.1	
38	2121030043	Lê Bảo	Kiên	17/08/2003	CCQ2103B	4.3	6.5	6.7	5.0	8.5	6.4	
39	2121100024	Đinh Bảo	Kỳ	13/12/2003	CCQ2110A	6.0	7.5	7.3	5.0	7.5	6.5	
40	2121030032	Cao Đức	Lâm	14/10/2003	CCQ2103A	6.0	6.8	8.3	7.0	8.5	7.4	
41	2122030260	Nguyễn Thái Thành	Lân	31/07/2001	CCQ2203D	6.3	8.8	7.3	8.3	7.5	7.7	
42	2121030054	Phan Khắc	Linh	03/03/2003	CCQ2103B	5.8	7.0	7.0	7.7	7.5	7.2	
43	2121030059	Trần Văn	Luận	03/01/2003	CCQ2103B	5.8	5.3	7.0	9.7	8.0	7.6	
44	2121030015	Nguyễn Hoàng	Lực	29/08/2003	CCQ2103A	8.5	5.8	8.3	9.0	9.0	8.4	
45	2121030034	Võ Văn	Mãi	08/02/2003	CCQ2103A	5.3	5.3	7.3	7.7	8.5	7.2	
46	2121100019	Đàm Thị Diễm	My	15/07/2001	CCQ2110A	6.3	8.3	7.3	8.3	7.5	7.6	
47	2121100009	Nguyễn Thị Thùy	My	20/11/2003	CCQ2110A	7.5	7.5	7.3	5.0	7.5	6.8	
48	2121030158	Trần Thế	Mỹ	04/02/2003	CCQ2103A	6.3	6.0	6.7	9.3	7.5	7.5	
49	2121100040	Nguyễn Diệu	Ngân	21/01/2003	CCQ2110B	7.8	7.0	7.3	5.0	7.5	6.7	
50	2121100029	Nguyễn Thị Kim	Ngân	25/09/2003	CCQ2110A	7.3	7.5	7.3	6.0	7.5	7.0	
51	2121030046	Nguyễn Thành	Nguyên	10/06/2003	CCQ2103B	4.5	6.5	6.7	8.7	7.0	7.0	
52	2121030047	Phạm Nguyễn Hoàng	Nhân	30/06/2003	CCQ2103B	4.8	6.8	6.7	9.0	7.5	7.3	

53	2122270145	Trần Minh Nhân	20/02/2004	CCQ2227D	5.8	5.5	6.7	6.0	7.0	6.3	
54	2121030035	Phạm Thanh Nhất	24/12/2003	CCQ2103A	5.3	7.0	7.3	8.7	7.5	7.4	
55	2121100028	Nguyễn Đỗ Thảo Nhi	20/09/2003	CCQ2110A	5.3	5.8	7.5	8.7	7.5	7.3	
56	2121100027	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	10/04/2003	CCQ2110A	6.0	4.8	7.5	5.0	7.5	6.2	
57	2120210024	Châu Phương Nhung	07/05/2002	CCQ2021A	6.8	6.5	7.3	5.0	8.0	6.7	
58	2121100004	Nguyễn Thị Huyền Nhung	22/09/2003	CCQ2110A	7.8	7.8	7.3	6.7	7.5	7.3	
59	2121030001	Cao Thành Niên	25/03/2003	CCQ2103A	6.8	5.3	7.3	8.7	7.5	7.4	
60	2121030038	Nguyễn Tấn Phát	30/08/2003	CCQ2103B	6.0	7.0	7.0	5.0	7.5	6.4	
61	2121030024	Nguyễn Thiên Phú	03/05/2003	CCQ2103A	4.0	7.0	6.7	9.3	7.0	7.2	
62	2121030044	Nguyễn Thành Phương	01/02/2003	CCQ2103B						0.0	
63	2121100042	Trần Như Hoài Phương	12/10/2003	CCQ2110B	6.3	6.0	7.3	8.0	7.5	7.2	
64	2121030153	Lâm Quang Quý	23/03/2003	CCQ2103B	4.0	6.0	7.3	9.3	7.5	7.3	
65	2121100015	Chu Thị Lệ Quyên	08/08/2003	CCQ2110A	6.0	8.0	7.5	5.0	7.5	6.6	
66	2121030016	Nguyễn Thái Quỳnh	01/11/2003	CCQ2103A						0.0	
67	2121030048	Nguyễn Văn Sĩ	10/01/2003	CCQ2103B	5.3	6.8	7.0	6.0	7.0	6.4	
68	2121030045	Lê Văn Sỹ	30/12/2003	CCQ2103B	4.3	6.5	7.0	6.3	7.5	6.5	
69	2121100035	Nguyễn Thị Thanh Tâm	04/04/2003	CCQ2110A	6.3	6.8	8.3	8.0	8.5	7.8	
70	2121100006	Trần Tuệ Tâm	05/09/2003	CCQ2110A	6.5	7.8	7.5	9.3	7.5	7.9	
71	2121100023	Lê Hoàng Mai Thi	14/04/2003	CCQ2110A	5.8	4.5	7.3	8.7	7.5	7.1	
72	2121030061	Trà Minh Thiện	08/07/2003	CCQ2103B						0.0	
73	2121030070	Nguyễn Quang Thịnh	18/04/2003	CCQ2103B	5.3	6.3	7.0	9.0	7.5	7.4	
74	2121100008	Phạm Thị Anh Thơ	27/11/2003	CCQ2110A	6.3	6.0	7.3	9.3	7.5	7.6	
75	2121030053	Ngô Đức Thuận	13/12/2003	CCQ2103B	5.25	5.75	7.0	8.0	7.0	6.9	
76	2122270146	Trần Nguyễn Anh Thư	05/08/2004	CCQ2227D	7.8	9.0	7.3	6.0	8.0	7.4	
77	2121100001	Bùi Ngọc Tính	11/06/2003	CCQ2110A	6.3	7.3	7.3	8.7	8.0	7.7	
78	2121030011	Lê Anh Tính	12/01/2003	CCQ2103A	6.3	6.8	6.7	6.0	7.0	6.5	
79	2121030033	Lê Thanh Toàn	25/05/2003	CCQ2103A	7.5	7.3	7.0	9.0	7.0	7.7	
80	2122270147	Võ Bảo Toàn	25/07/2004	CCQ2227D	6.8	9.0	7.0	9.3	7.5	8.1	
81	2121100032	Nguyễn Thị Huyền Trân	18/03/2003	CCQ2110A						0.0	
82	2121030036	Miêu Văn Trên	20/10/2001	CCQ2103B	4.0	6.0	7.0	7.3	8.5	6.9	
83	2121030012	Trần Văn Triều	20/04/2003	CCQ2103A	7.8	8.0	7.3	9.3	9.0	8.5	
84	2121100061	Phan Thị Ngọc Trinh	26/04/2003	CCQ2110B	7.0	7.0	7.3	5.0	7.5	6.6	
85	2121030042	Lương Bá Trọng	15/12/2003	CCQ2103B	6.0	7.3	7.0	5.0	7.5	6.5	

86	2121030008	Nguyễn Văn	Trung	05/06/2003	CCQ2103A	6.3	7.5	7.3	7.3	8.0	7.4	
87	2121030069	Phan Quốc	Trung	06/01/2003	CCQ2103B	6.0	7.3	8.0	9.7	9.0	8.4	
88	2121030029	Lý Đình	Trương	24/10/2003	CCQ2103A	7.5	7.3	6.7	8.7	7.0	7.6	
89	2121030041	Lưu Nhật	Trường	03/05/2003	CCQ2103B	6.3	6.0	7.0	7.7	7.5	7.1	
90	2121030066	Võ Đăng	Trường	10/09/2003	CCQ2103B						0.0	
91	2121100020	Trần Đăng Mỹ	Tường	13/05/2003	CCQ2110A	5.3	6.5	7.2	8.0	7.5	7.1	
92	2121030031	Lê Công	Ty	16/01/2003	CCQ2103A	5.0	7.3	7.0	9.3	7.0	7.4	
93	2121100025	Trần Thị Thanh	Vân	04/06/2003	CCQ2110A	6.5	5.8	7.3	9.0	7.5	7.5	
94	2121030052	Nguyễn Thế	Vinh	30/04/2003	CCQ2103B	4.5	6.0	6.7	7.7	7.0	6.7	
95	2121030058	Phạm Phước	Vinh	27/10/2003	CCQ2103B	5.3	5.8	7.0	8.0	7.5	7.0	
96	2121030013	Huỳnh Long	Vũ	30/08/2003	CCQ2103A	6.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.6	
97	2121030017	Trần Quốc	Vương	26/09/2003	CCQ2103A	5.8	6.0	6.7	6.0	7.0	6.4	
98	2121100002	Trần Phạm Như	Ý	12/05/2003	CCQ2110A	5.8	8.0	8.5	8.0	8.5	7.9	
99	2121100041	Nguyễn Thị Kim	Yến	07/05/2003	CCQ2110B	8.0	8.0	7.0	5.0	8.0	7.0	

Tp. HCM, ngày 18 tháng 01 năm 2023
Giảng viên



Nguyễn Thành quân

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN
Học kỳ: I - Năm học: 2022 - 2023

Môn học/ Nhóm: GDQP – AN, Nhóm **40**
CBGD: Nguyễn Thành Quân

Số tín chỉ: 05

Mã MH	STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	GHI CHÚ
234012	1	2121030020	Nguyễn Khắc	An	08/10/2003	CCQ2103A	0.0		0.0	ko hoc
234012	2	2121100018	Lê Thị Ngọc	Ánh	09/07/2003	CCQ2110A	7.4	4.8	5.8	
234012	3	2120030071	Ngo Duy	Ánh	26/02/1998	CCQ2003C	7.2	4.8	5.8	
234012	4	2121030022	Đỗ Chí	Bảo	21/05/2003	CCQ2103A	7.0	5.4	6.1	
234012	5	2121030026	Nguyễn Văn	Bắc	31/01/2003	CCQ2103A	7.9	6.4	7.0	
234012	6	2121030005	Hồ Lê	Cánh	10/12/2003	CCQ2103A	6.7	5.8	6.2	
234012	7	2121030051	Nguyễn Minh	Chánh	02/05/2001	CCQ2103B	0.0		0.0	ko hoc
234012	8	2121030065	Phạm Hồng	Chính	05/02/2003	CCQ2103B	7.7	5.2	6.2	
234012	9	2121030068	Lê Đình	Chương	06/05/2003	CCQ2103B	6.7	6.0	6.3	
234012	10	2121030056	Phạm Nhật Công	Danh	04/08/2003	CCQ2103B	7.3	5.8	6.4	
234012	11	2121100039	Nguyễn Thị Thúy	Duy	08/12/2000	CCQ2110B	6.5	7.6	7.1	
234012	12	2121030151	Nguyễn Văn	Dương	22/02/2001	CCQ2103B	6.1	5.6	5.8	
234012	13	2121100036	Nguyễn Thị	Đào	05/05/2003	CCQ2110B	7.4	5.6	6.3	
234012	14	2121030064	Dương Văn	Đạt	20/08/2003	CCQ2103B	0.0		0.0	ko hoc
234012	15	2121030063	Lê Tuấn	Đạt	13/09/2003	CCQ2103B	6.4	5.2	5.7	
234012	16	2121100038	Đặng Thị Hồng	Gám	03/02/2003	CCQ2110B	7.3	6.2	6.6	
234012	17	2121030168	Nguyễn Hoàng	Hải	12/12/2001	CCQ2103B	6.4	5.4	5.8	
234012	18	2121100005	Nguyễn Cao	Hậu	13/04/2003	CCQ2110A	7.9	7.0	7.4	
234012	19	2121030006	Nguyễn Ngọc	Hiền	08/04/2003	CCQ2103A	7.7	6.4	6.9	
234012	20	2121100013	Phan Thị Thanh	Hiền	09/11/2003	CCQ2110A	6.8	4.6	5.5	
234012	21	2121100030	Trương Thị Thu	Hiền	07/09/1997	CCQ2110A	0.0		0.0	ko hoc

234012	22	2121030040	Nguyễn Trung	Hiếu	11/09/2002	CCQ2103B	6.6	5.6	6.0	
234012	23	2121030025	Nguyễn Văn	Hiếu	20/06/2003	CCQ2103A	7.4	6.4	6.8	
234012	24	2121030039	Nguyễn Văn	Hiếu	20/10/2003	CCQ2103B	6.9	5.2	5.9	
234012	25	2121100014	Võ Thị	Hòa	10/04/2003	CCQ2110A	7.4	6.6	6.9	
234012	26	2121030021	Ngô Quang	Huy	25/06/2003	CCQ2103A	7.6	6.4	6.9	
234012	27	2121030155	Lê Nguyễn Ninh	Hưng	29/09/2000	CCQ2103A	7.6	5.4	6.3	
234012	28	2121030037	Lê Văn	Hưng	19/10/2003	CCQ2103B	6.3	5.0	5.5	
234012	29	2121030060	Nguyễn Hữu	Hưng	04/12/2003	CCQ2103B	5.9	5.6	5.7	
234012	30	2121100012	Đoàn Thị Diễm	Hương	24/09/2003	CCQ2110A	7.7	7.0	7.3	
234012	31	2121100033	Lê Thị Minh	Hương	15/04/2003	CCQ2110A	7.5	8.0	7.8	
234012	32	2121030030	Nguyễn Tấn	Khả	01/10/2003	CCQ2103A	7.0	5.8	6.3	
234012	33	2121030049	Phạm	Khải	05/03/2003	CCQ2103B	7.1	4.8	5.7	
234012	34	2121030009	Đồng Sĩ	Khang	26/12/2003	CCQ2103A	8.1	6.0	6.8	
234012	35	2121030010	Đặng Văn	Khoa	07/04/2003	CCQ2103A	8.6	6.8	7.5	
234012	36	2121030159	Nguyễn Anh	Khoa	03/03/2001	CCQ2103A	0.0		0.0	ko hoc
234012	37	2121030018	Phạm Văn	Khoa	16/07/2003	CCQ2103A	6.1	5.6	5.8	
234012	38	2121030043	Lê Bảo	Kiên	17/08/2003	CCQ2103B	6.4	6.2	6.3	
234012	39	2121100024	Đinh Bảo	Kỳ	13/12/2003	CCQ2110A	6.5	5.2	5.7	
234012	40	2121030032	Cao Đức	Lâm	14/10/2003	CCQ2103A	7.4	6.6	6.9	
234012	41	2122030260	Nguyễn Thái Thành	Lân	31/07/2001	CCQ2203D	7.7	7.8	7.8	
234012	42	2121030054	Phan Khắc	Linh	03/03/2003	CCQ2103B	7.2	6.6	6.8	
234012	43	2121030059	Trần Văn	Luận	03/01/2003	CCQ2103B	7.6	5.6	6.4	
234012	44	2121030015	Nguyễn Hoàng	Lục	29/08/2003	CCQ2103A	8.4	6.2	7.1	
234012	45	2121030034	Võ Văn	Mãi	08/02/2003	CCQ2103A	7.2	5.6	6.2	
234012	46	2121100019	Đàm Thị Diễm	My	15/07/2001	CCQ2110A	7.6	7.2	7.4	
234012	47	2121100009	Nguyễn Thị Thùy	My	20/11/2003	CCQ2110A	6.8	5.8	6.2	
234012	48	2121030158	Trần Thế	Mỹ	04/02/2003	CCQ2103A	7.5	5.4	6.2	
234012	49	2121100040	Nguyễn Diệu	Ngân	21/01/2003	CCQ2110B	6.7	5.2	5.8	
234012	50	2121100029	Nguyễn Thị Kim	Ngân	25/09/2003	CCQ2110A	7.0	6.2	6.5	
234012	51	2121030046	Nguyễn Thành	Nguyên	10/06/2003	CCQ2103B	7.0	5.4	6.0	
234012	52	2121030047	Phạm Nguyễn Hoàng	Nhân	30/06/2003	CCQ2103B	7.3	7.0	7.1	
234012	53	2122270145	Trần Minh	Nhân	20/02/2004	CCQ2227D	6.3	5.8	6.0	
234012	54	2121030035	Phạm Thanh	Nhất	24/12/2003	CCQ2103A	7.4	6.4	6.8	

234012	55	2121100028	Nguyễn Đỗ Thảo	Nhi	20/09/2003	CCQ2110A	7.3	5.8	6.4	
234012	56	2121100027	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	10/04/2003	CCQ2110A	6.2	4.8	5.4	
234012	57	2120210024	Châu Phương	Nhung	07/05/2002	CCQ2021A	6.7	7.2	7.0	
234012	58	2121100004	Nguyễn Thị Huyền	Nhung	22/09/2003	CCQ2110A	7.3	6.4	6.8	
234012	59	2121030001	Cao Thành	Niên	25/03/2003	CCQ2103A	7.4	5.4	6.2	
234012	60	2121030038	Nguyễn Tấn	Phát	30/08/2003	CCQ2103B	6.4	6.2	6.3	
234012	61	2121030024	Nguyễn Thiên	Phú	03/05/2003	CCQ2103A	7.2	6.6	6.8	
234012	62	2121030044	Nguyễn Thành	Phương	01/02/2003	CCQ2103B	0.0		0.0	ko hoc
234012	63	2121100042	Trần Như Hoài	Phương	12/10/2003	CCQ2110B	7.2	5.6	6.2	
234012	64	2121030153	Lâm Quang	Quý	23/03/2003	CCQ2103B	7.3	5.8	6.4	
234012	65	2121100015	Chu Thị Lê	Quyên	08/08/2003	CCQ2110A	6.6	7.8	7.3	
234012	66	2121030016	Nguyễn Thái	Quỳnh	01/11/2003	CCQ2103A	0.0		0.0	ko hoc
234012	67	2121030048	Nguyễn Văn	Sĩ	10/01/2003	CCQ2103B	6.4	4.8	5.5	
234012	68	2121030045	Lê Văn	Sỹ	30/12/2003	CCQ2103B	6.5	7.4	7.0	
234012	69	2121100035	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	04/04/2003	CCQ2110A	7.8	6.2	6.8	
234012	70	2121100006	Trần Tuệ	Tâm	05/09/2003	CCQ2110A	7.9	7.2	7.5	
234012	71	2121100023	Lê Hoàng Mai	Thi	14/04/2003	CCQ2110A	7.1	6.2	6.6	
234012	72	2121030061	Trà Minh	Thiện	08/07/2003	CCQ2103B	0.0		0.0	ko hoc
234012	73	2121030070	Nguyễn Quang	Thịnh	18/04/2003	CCQ2103B	7.4	6.6	6.9	
234012	74	2121100008	Phạm Thị Anh	Thơ	27/11/2003	CCQ2110A	7.6	6.6	7.0	
234012	75	2121030053	Ngô Đức	Thuận	13/12/2003	CCQ2103B	6.9	5.6	6.1	
234012	76	2122270146	Trần Nguyễn Anh	Thư	05/08/2004	CCQ2227D	7.4	8.0	7.8	
234012	77	2121100001	Bùi Ngọc	Tính	11/06/2003	CCQ2110A	7.7	5.2	6.2	
234012	78	2121030011	Lê Anh	Tính	12/01/2003	CCQ2103A	6.5	4.8	5.5	
234012	79	2121030033	Lê Thanh	Toàn	25/05/2003	CCQ2103A	7.7	6.8	7.2	
234012	80	2122270147	Võ Bảo	Toàn	25/07/2004	CCQ2227D	8.1	7.8	7.9	
234012	81	2121100032	Nguyễn Thị Huyền	Trân	18/03/2003	CCQ2110A	0.0		0.0	ko hoc
234012	82	2121030036	Miêu Văn	Trên	20/10/2001	CCQ2103B	6.9	5.8	6.3	
234012	83	2121030012	Trần Văn	Triều	20/04/2003	CCQ2103A	8.5	6.6	7.4	
234012	84	2121100061	Phan Thị Ngọc	Trình	26/04/2003	CCQ2110B	6.6	6.8	6.7	
234012	85	2121030042	Lương Bá	Trọng	15/12/2003	CCQ2103B	6.5	6.4	6.4	
234012	86	2121030008	Nguyễn Văn	Trung	05/06/2003	CCQ2103A	7.4	5.8	6.4	
234012	87	2121030069	Phan Quốc	Trung	06/01/2003	CCQ2103B	8.4	6.8	7.4	

234012	88	2121030029	Lý Đình	Trương	24/10/2003	CCQ2103A	7.6	6.8	7.1	
234012	89	2121030041	Lưu Nhựt	Trưởng	03/05/2003	CCQ2103B	7.1	4.8	5.7	
234012	90	2121030066	Võ Đăng	Trưởng	10/09/2003	CCQ2103B	0.0		0.0	ko hoc
234012	91	2121100020	Trần Đăng Mỹ	Tường	13/05/2003	CCQ2110A	7.1	5.8	6.3	
234012	92	2121030031	Lê Công	Ty	16/01/2003	CCQ2103A	7.4	5.8	6.4	
234012	93	2121100025	Trần Thị Thanh	Vân	04/06/2003	CCQ2110A	7.5	6.2	6.7	
234012	94	2121030052	Nguyễn Thế	Vinh	30/04/2003	CCQ2103B	6.7	4.8	5.5	
234012	95	2121030058	Phạm Phước	Vinh	27/10/2003	CCQ2103B	7.0	5.4	6.0	
234012	96	2121030013	Huỳnh Long	Vũ	30/08/2003	CCQ2103A	6.6	5.6	6.0	
234012	97	2121030017	Trần Quốc	Vương	26/09/2003	CCQ2103A	6.4	6.4	6.4	
234012	98	2121100002	Trần Phạm Như	Ý	12/05/2003	CCQ2110A	7.9	7.0	7.4	
234012	99	2121100041	Nguyễn Thị Kim	Yến	07/05/2003	CCQ2110B	7.0	6.8	6.9	

Tp. HCM, ngày 18 tháng 01 năm 2023
Giảng viên



Nguyễn Thành Quân